

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Tên ngành: Điều dưỡng

II. Mã ngành, nghề: 6720301

III. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

IV. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT/tương đương

V. Thời gian đào tạo: 3 năm học

VI. Mục tiêu đào tạo/Chuẩn đầu ra

1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng đa khoa đáp ứng được Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng viên Việt Nam; có kiến thức khoa học cơ bản; có kiến thức và kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ ở trình độ Cao đẳng; có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ đúng đắn, để thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân và hành nghề đúng pháp luật; có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động Điều dưỡng, nghiên cứu khoa học; có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế và tự học vươn lên.

2. Mục tiêu riêng:

2.1. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;

- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;

- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;

- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;

- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2. Kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;

- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra:

CDR 1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc.

CDR 2. Áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.

CDR 3. Áp dụng quy trình điều dưỡng vào chăm sóc người bệnh thông qua việc xác định nhu cầu chăm sóc, các vấn đề ưu tiên, ra quyết định chăm sóc phù hợp. Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, phục hồi chức năng đúng quy trình; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn, hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

CDR 4. Nhận định đúng, kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng.

CDR 5. Hợp tác với các thành viên trong nhóm, sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, cá phương tiện truyền thông phù hợp để thiết lập mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả, cung cấp các thông tin về sức khỏe; giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.

CDR 6. Tham gia quản lý công tác chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác để chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng.

CDR 7. Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong chăm sóc người bệnh.

CDR 8. Thể hiện/Chứng minh được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.

VII. Thời gian khóa học: Sinh viên tích lũy đủ số lượng tín chỉ quy định trong chương trình

VIII. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Số lượng môn học: 32 môn học bắt buộc; 2/12 môn học tự chọn (có 6 nhóm tự chọn, mỗi nhóm 2 môn học. Sinh viên chọn 2 trong 6 nhóm)

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 95 Tín chỉ (2.676 giờ)

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.241 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 812 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 459 giờ; Thực tập lâm sàng/cộng đồng: 1.323 giờ; Kiểm tra, thi: 82 giờ

IX. Danh mục và thời lượng các môn học

	Tên Môn học		Thời gian (giờ)
--	-------------	--	-----------------

Mã môn học		Số tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	T.hành/ T.nghiệ m/ T.luận/ Bài tập	Thực tập	Kiểm tra
Tổng số		95	2676	812	459	1323	82
1	Các môn học chung	19	435	157	255		23
MH1	Chính trị	4	75	41	29		5
MH2	GDTC	2	60	5	51		4
MH3	Tin học	3	75	15	58		2
MH4	Pháp luật	2	30	18	10		2
MH5	TACB	5	120	42	72		6
MH6	GDQP-AN	3	75	36	35		4
2	Các môn học chuyên môn						
2.1	Môn học cơ sở	21	547	209	183	133	22
MH7	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	30	29	0		1
MH8	Cấu tạo và chức năng của cơ thể 1	2	48	16	31		1
MH9	Cấu tạo và chức năng cơ thể người 2	2	35	30	4		1
MH10	Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi	2	32	31	0		1
MH11	Giao tiếp trong thực hành ĐD	2	48	16	30		2
MH12	Điều dưỡng cơ sở I	3	88	36	47		5
MH13	Tâm lý người bệnh - Y đức	2	31	30	0		1
MH14	Điều dưỡng cơ sở II	3	100	21	71		8
MH15	Thực tập điều dưỡng cơ sở	3	135	0		133	2
2.2	Môn học chuyên môn	45	1362	386	21	924	31

MH1 6	Chăm sóc sức khỏe người lớn 1	3	51	44	5		2
MH1 7	Chăm sóc sức khỏe người lớn 2	3	48	42	4		2
MH1 8	Môi trường và sức khỏe	2	31	30	0		1
MH1 9	Chăm sóc sức khỏe người lớn 3	3	45	43	0		2
MH2 0	Thực tập CSSK người lớn 1,2	3	135	0		133	2
MH2 1	Thực tập CSSK người lớn 3	3	135	0		133	2
MH2 2	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	32	31	0		1
MH2 3	Thực tập CSSK trẻ em	3	135	0		133	2
MH2 4	Tổ chức và QL y tế - pháp luật y tế	2	32	31	0		1
MH2 5	Chăm sóc sức khỏe lão khoa	2	31	30	0		1
MH2 6	Chăm sóc SK phụ nữ-BM và gia đình	2	32	31	0		1
MH2 7	Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ	3	135	0		133	2
MH2 8	Chăm sóc NB chuyên khoa hệ Nội	2	32	31	0		1
MH2 9	Chăm sóc NB chuyên khoa hệ Ngoại	2	33	28	4		1
MH3 0	Điều dưỡng cộng đồng	3	136	15	0	120	1
MH3 1	Thống kê y học - Quản lý - Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	2	39	30	8		1
MH3 2	Thực tập tốt nghiệp	5	280			272	8
3	Môn học tự chọn	10	332	60		266	6
	Nhóm 1- Y học cổ truyền- PHCN						

MH3 3	Chăm sóc sức khỏe người bệnh YHCT-PHCN	2	31	30	0		1
MH3 4	Lâm sàng YHCT- PHCN	3	135	0		133	2
	Nhóm 2- CS bệnh không lây nhiễm						
MH3 5	Chăm sóc người bệnh Ung bướu Nội tiết- chuyển hoá	2	31	30	0		1
MH3 6	Lâm sàng Ung bướu- Nội tiết	3	135	0		133	2
	Nhóm 3- Chăm sóc SK trẻ em nâng cao						
MH3 7	Chăm sóc sức khỏe trẻ em lành mạnh, bệnh lý	2	31	30	0		1
MH3 8	Lâm sàng CSSKTE	3	135	0		133	2
	Nhóm 4- Chăm sóc Hội sức tích cực- chống độc						
MH3 9	Chăm sóc Hội sức tích cực- chống độc	2	31	30	0		1
MH4 0	Lâm sàng Hội sức tích cực chống độc	3	135	0		133	2
	Nhóm 5- Chăm sóc sức khỏe gia đình (Family health care nursing)						
MH4 1	Gia đình sức khỏe và Bình đẳng giới	2	31	30	0		1
MH4 2	Thực hành CS SKGD (cộng đồng và khoa lão khoa TLS/BV)	3	135	0		133	2
	Nhóm 6- Chăm sóc Dinh dưỡng						
MH4 3	Dinh dưỡng cho người bệnh và tiết chế	2	31	30	0		1
MH4 4	Thực hành Dinh dưỡng (cộng đồng và khoa Dinh dưỡng các bệnh viện)	3	135	0		133	2